

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG SẢN PHẨM CHO VAY PHỤC VỤ NHU CẦU ĐỜI SỐNG TẠI KHỐI KHÁCH HÀNG ĐẠI CHÚNG

(Áp dụng kể từ ngày 04/04/2022)

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- 1.1 “**OCB**” là Ngân hàng TMCP Phương Đông.
- 1.2 “**Bên cho vay**” là Ngân hàng TMCP Phương Đông.
- Địa chỉ trụ sở chính: 41 & 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.
 - Địa chỉ liên lạc: 91 Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, TP.HCM.
 - Số điện thoại: +84 28 36 220 139
 - Website: <https://www.ocb.com.vn> và <https://com-b.vn>
 - MSDN: 0300852005
 - Tài khoản: VNĐ 1757400010133 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông, Tên Tài khoản: Khối Khách hàng Đại chúng.
 - Người đại diện: Theo ủy quyền của Tổng Giám đốc OCB ban hành từng thời kỳ.
 - Con dấu sử dụng là Con dấu của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Bến Thành.
- 1.3 “**Bên vay**” là cá nhân có thông tin nêu tại Mục A Đề nghị vay vốn kèm Thỏa thuận cho vay và Đề nghị phát hành kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng.
- 1.4 “**Đề nghị vay vốn kèm Thỏa thuận cho vay và Đề nghị phát hành kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng**” (sau đây có thể gọi là “**Giấy Đề Nghị**”) là một phần không thể tách rời của Hợp đồng khi Giấy Đề Nghị này được Bên cho vay chấp thuận bằng việc quyết định đồng ý cấp tín dụng và giải ngân số tiền vay cho Bên vay.
- 1.5 “**Thông báo cấp tín dụng của OCB**” là văn bản được Bên cho vay gửi đến Bên vay thể hiện nội dung phê duyệt, quyết định đồng ý cấp tín dụng của Bên cho vay cho Bên vay trên cơ sở Giấy Đề Nghị.
- 1.6 “**Điều khoản và điều kiện giao dịch chung**” có nghĩa là Bản điều khoản và điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay phục vụ nhu cầu đời sống tại Khối Khách hàng Đại chúng này.
Điều khoản và điều kiện giao dịch chung là một phần không thể tách rời của Hợp đồng và có thể được Bên cho vay sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm phù hợp quy định pháp luật và được đăng tải, niêm yết công khai trên Website và/hoặc tại Trụ sở chính của Bên cho vay theo quy định.
- 1.7 “**Thỏa thuận cho vay**” (hoặc “**Hợp đồng**”) là thỏa thuận giữa Bên vay và Bên cho vay liên quan đến Khoản vay, bao gồm Giấy Đề Nghị, Thông báo cấp tín dụng của OCB, Điều khoản và điều kiện giao dịch chung, các thông báo của OCB bằng cuộc gọi điện thoại có ghi âm và/hoặc tin nhắn (“SMS”) được gửi đến số điện thoại di động đã đăng ký trước của Bên vay nêu tại Mục A của Giấy Đề Nghị (hoặc số điện thoại di động khác được Bên vay thông báo cho Bên cho vay bằng văn bản) và các tài liệu khác phát sinh trong quá trình thực hiện thỏa thuận cho vay giữa Bên cho

- vay và Bên vay.
- 1.8 **“Khoản vay”** là số tiền Bên cho vay cho Bên vay vay để phục vụ nhu cầu đời sống hoặc phục vụ mục đích hợp pháp khác, tùy theo quyết định của Bên cho vay tại từng thời kỳ.
 - 1.9 **“Lãi suất”** là mức lãi suất cho vay do Bên cho vay phê duyệt, quyết định cấp tín dụng cho Bên vay trên cơ sở thỏa thuận giữa Bên cho vay và Bên vay.
 - 1.10 **“Phí bảo hiểm”** là số tiền mà Bên vay đề nghị vay để thanh toán cho Công ty bảo hiểm (do Bên cho vay chỉ định) cung cấp dịch vụ bảo hiểm dư nợ tín dụng và/hoặc sản phẩm bảo hiểm khác. Bên vay là Bên mua bảo hiểm và thụ hưởng lợi ích từ dịch vụ sản phẩm bảo hiểm do Công ty bảo hiểm cung cấp.
 - 1.11 **“Số tiền cho vay”** là khoản tiền do Bên cho vay phê duyệt, quyết định cấp tín dụng cho Bên vay, bao gồm Khoản vay và Phí bảo hiểm (nếu có).
 - 1.12 **“Số tiền vay còn lại”** là một phần số tiền cho vay, tại bất kỳ thời điểm nào, mà Bên vay chưa thanh toán đến thời điểm đó.
 - 1.13 **“Khoản trả hàng tháng”** là số tiền Bên vay phải thanh toán cho Bên cho vay hàng tháng theo Thỏa thuận cho vay.
 - 1.14 **“Khoản nợ còn lại”** có nghĩa là, tại bất kỳ thời điểm nào, số tiền vay còn lại, tổng lãi phải trả và tất cả các khoản phạt cùng các nghĩa vụ tài chính khác phải thanh toán theo Hợp đồng mà vẫn chưa được Bên vay thanh toán đến thời điểm đó.
 - 1.15 **“Ngày thanh toán hàng tháng”** có nghĩa là ngày dương lịch mà vào ngày đó Bên vay phải thanh toán Khoản trả hàng tháng cho Bên cho vay.
 - 1.16 **“Hàng hóa”** là hàng gia dụng/ hàng tiêu dùng/ phương tiện đi lại sử dụng cho mục đích tiêu dùng được Bên vay mua từ Bên Bán bằng nguồn vốn vay từ Bên cho vay theo Thỏa thuận cho vay. Thông tin chi tiết về Hàng hóa được mô tả tại Giấy Đề Nghị (nếu có).
 - 1.17 **“Dịch vụ”** là dịch vụ sử dụng cho mục đích tiêu dùng được Bên vay mua từ Bên Bán bằng nguồn vốn vay từ Bên cho vay theo Thỏa thuận cho vay. Thông tin chi tiết về Dịch vụ được mô tả tại Giấy Đề Nghị (nếu có).
 - 1.18 **“Bên Bán”** có nghĩa là cá nhân hoặc tổ chức bán Hàng hóa, cung ứng Dịch vụ cho Bên vay.
 - 1.19 **“Ngày làm việc”** có nghĩa là ngày Bên cho vay mở cửa hoạt động và tiến hành các giao dịch ngân hàng.
 - 1.20 **“Người tham chiếu”** có nghĩa là các cá nhân có thông tin quy định tại khoản 7 Mục A của Giấy Đề Nghị.

Các từ ngữ khác chưa được định nghĩa tại Điều này được hiểu theo quy định của pháp luật về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các quy định có liên quan.

ĐIỀU 2. PHƯƠNG THỨC GIAO KẾT THỎA THUẬN CHO VAY BẰNG PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ

Trường hợp Bên cho vay và Bên vay giao kết thỏa thuận cho vay bằng phương tiện điện tử, các Bên thỏa thuận:

- 2.1. Thỏa thuận cho vay được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử; được lưu trữ trên phương tiện điện tử của Bên cho vay và của Bên vay (nếu có) và có giá trị pháp lý ràng buộc các Bên;
- 2.2. Chữ ký số của Bên cho vay và của Bên vay trên Giấy Đề Nghị có giá trị pháp lý thay cho chữ ký tươi của hai Bên và con dấu của Bên cho vay.
- 2.3. Bằng phương thức giao dịch này, Bên vay mặc nhiên thừa nhận đồng ý chấp nhận toàn bộ nội dung của Thỏa thuận cho vay và đồng ý xác lập phương thức giao kết, thực hiện hợp đồng; gửi, nhận chứng từ bằng phương tiện điện tử.

Điều 3. PHƯƠNG THỨC GIẢI NGÂN

- 3.1. Bên vay hiểu rằng Bên cho vay có thể từ chối cho Bên vay vay vốn hoặc Bên cho vay có thể chỉ chấp thuận một phần yêu cầu của Bên vay về số tiền vay, lãi suất và kỳ hạn trả nợ của Bên vay. Sự chấp thuận về số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất vay sẽ được quyết định sau khi Bên cho vay tiến hành thẩm định và phê duyệt, quyết định cấp tín dụng theo quy định của Bên cho vay theo từng thời kỳ.
- 3.2. Bên cho vay sẽ gọi điện thoại lại cho Bên vay để xác định số tiền cho vay, khoản vay trước khi thực hiện giải ngân (*bao gồm nội dung về số tiền vay được duyệt, ngày giải ngân, khoản trả hàng tháng, ngày thanh toán hàng tháng v.v...*). Cuộc gọi này sẽ được thu âm và là bằng chứng về việc chấp thuận chi tiết khoản vay giữa Bên cho vay và Bên vay.
- 3.3. Căn cứ vào tài liệu thể hiện chỉ định giải ngân của Bên vay, Bên vay đồng ý và chấp thuận rằng Bên cho vay có toàn quyền chủ động giải ngân ngay số tiền cho vay vào tài khoản thanh toán, hoặc các loại dịch vụ trung gian thanh toán do Bên vay chỉ định mà không cần Bên vay phải thực hiện hoặc ký xác nhận yêu cầu giải ngân, khế ước nhận nợ v.v...
- 3.4. Trong trường hợp Bên cho vay giải ngân chuyển khoản cho Bên vay thông qua đối tác có chức năng chi hộ (nếu có), Bên vay mặc nhiên thừa nhận phương thức giải ngân này mà không cần phải thực hiện, ký bất kỳ giấy tờ, tài liệu xác nhận nào khác.
- 3.5. Sau khi giải ngân, một tin nhắn ("SMS") sẽ được Bên cho vay gửi đến số điện thoại di động đã đăng ký của Bên vay nêu tại Mục A của Giấy Đề Nghị và tin nhắn ("SMS") này được cả hai Bên xác nhận quan hệ vay vốn đã được thiết lập. Tin nhắn ("SMS") này là Thông báo chính thức của Bên cho vay về việc chấp thuận cấp tín dụng cho Bên vay và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

Điều 4. CHI TIẾT THANH TOÁN

- 4.1. Bên vay đồng ý thanh toán cho Bên cho vay như sau:

$$\text{Số tiền trả góp mỗi kỳ} = \frac{rP}{1-(1+r)^{-N}}$$

- Trong đó:

- r : Lãi suất theo kỳ trả nợ.
- N : Thời hạn vay theo số kỳ trả nợ.
- P : Nợ gốc.

- a. Đối với Bên vay vay vốn theo Sản phẩm cho vay tiêu dùng tiền mặt dành cho Khách hàng có thu nhập từ lương và ủy quyền Ngân hàng chi lương trích trừ tài khoản nhận lương để trả nợ vay:
- + Số tiền trả góp của kỳ đầu tiên đến kỳ thứ “n-1” (với “n” là số kỳ trả nợ) sẽ bằng nhau giữa các kỳ (“Số tiền trả góp đều mỗi kỳ”).
 - + Số tiền trả gốc từ kỳ đầu tiên đến kỳ thứ “n-1” bằng (=) Số tiền trả góp đều mỗi kỳ trừ đi (-) Số tiền trả lãi mỗi kỳ.
 - + Số tiền trả lãi mỗi kỳ bằng (=) Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi nhân với (x) Số ngày thực tế kỳ tính lãi nhân với (x) Lãi suất năm quy định trên thỏa thuận cho vay chia cho (/) 365.
 - + Số tiền trả góp của kỳ thứ “n” được tính bằng tổng số của nợ gốc còn lại trước kỳ thứ “n” và tiền lãi trong kỳ tính trên nợ gốc còn lại này.
- b. Đối với Bên vay vay vốn theo các Sản phẩm còn lại:
- + Theo đó số tiền trả góp mỗi kỳ sẽ bằng nhau giữa các kỳ trong thời hạn vay, trừ kỳ thành toán đầu tiên và sau cùng. Số tiền trả góp của kỳ đầu tiên sẽ được tính bằng số tiền trả góp mỗi kỳ trừ đi tích của số tiền giải ngân và lãi suất theo kỳ trả nợ ($P \cdot r$) cộng với số tiền lãi tính theo số ngày thực tế tính lãi của kỳ đầu tiên. Số tiền trả góp của kỳ cuối cùng được tính theo tổng số của nợ gốc còn lại trước kỳ cuối cùng và tiền lãi tính trên nợ gốc còn lại này.
 - + Số tiền trả gốc mỗi kỳ bằng (=) Số tiền trả góp mỗi kỳ trừ đi (-) Số tiền trả lãi mỗi kỳ.
 - + Số tiền trả lãi mỗi kỳ bằng (=) Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi nhân với (x) Số ngày thực tế kỳ tính lãi nhân với (x) Lãi suất năm quy định trên thỏa thuận cho vay chia cho (/) 365.

4.2. Ngày thanh toán hàng tháng:

4.2.1. Đối với Bên vay vay vốn theo Sản phẩm cho vay tiêu dùng tiền mặt dành cho Khách hàng có thu nhập từ lương và ủy quyền Ngân hàng chi lương trích trừ tài khoản nhận lương để trả nợ vay:

- a. Nếu Đơn vị chi trả lương chi lương định kỳ trong khoảng từ ngày 01 đến ngày 04 hàng tháng:
- + Ngày trả nợ đầu tiên xét theo ngày giải ngân khoản vay như sau:
 - Nếu ngày giải ngân nằm trong khoảng từ ngày 01 đến ngày 24: ngày trả nợ là ngày 10 của tháng liền sau tháng giải ngân (tháng “T+1”, với tháng “T” là tháng giải ngân khoản vay);
 - Nếu ngày giải ngân nằm trong khoảng từ ngày 25 đến ngày đến ngày cuối tháng: ngày trả nợ là ngày 10 của tháng tiếp theo của tháng liền sau tháng giải ngân (ngày 10 của tháng “T+2”).
 - + Ngày trả nợ tiếp theo: cố định là ngày 10 hàng tháng.
- b. Nếu Đơn vị chi trả lương chi lương định kỳ trong khoảng từ ngày 05 đến ngày 07 hàng tháng:

- + Ngày trả nợ đầu tiên: là ngày 10 của tháng liền sau tháng giải ngân (tháng "T+1");
 - + Ngày trả nợ tiếp theo: cố định là ngày 10 hàng tháng.
 - c. Nếu Đơn vị chi trả lương chi lương định kỳ trong khoảng từ ngày 08 đến ngày 17 hàng tháng:
 - + Ngày trả nợ đầu tiên: là ngày 20 của tháng liền sau tháng giải ngân (tháng "T+1");
 - + Ngày trả nợ tiếp theo: cố định là ngày 20 hàng tháng.
 - d. Nếu Đơn vị chi trả lương chi lương định kỳ trong khoảng từ ngày 18 đến ngày 27 hàng tháng:
 - + Ngày trả nợ đầu tiên xét theo ngày giải ngân khoản vay như sau:
 - Nếu ngày giải ngân nằm trong khoảng từ ngày 01 đến trước ngày chi lương 05 ngày: ngày trả nợ là ngày 02 của tháng liền sau tháng giải ngân (tháng "T+1");
 - Nếu ngày giải ngân nằm trong khoảng từ trước ngày chi lương 04 ngày đến ngày cuối tháng: ngày trả nợ là ngày 02 của tháng tiếp theo của tháng liền sau tháng giải ngân (ngày 02 của tháng "T+2").
 - + Ngày trả nợ tiếp theo: cố định là ngày 02 hàng tháng.
 - e. Nếu Đơn vị chi trả lương chi lương định kỳ trong khoảng từ ngày 28 đến ngày cuối tháng:
 - + Ngày trả nợ đầu tiên xét theo ngày giải ngân khoản vay như sau:
 - Nếu ngày giải ngân nằm trong khoảng từ ngày 01 đến trước ngày chi lương 05 ngày: ngày trả nợ là ngày 10 của tháng liền sau tháng giải ngân (tháng "T+1");
 - Nếu ngày giải ngân nằm trong khoảng từ trước ngày chi lương 04 ngày đến ngày cuối tháng: ngày trả nợ là ngày 10 của tháng tiếp theo của tháng liền sau tháng giải ngân (ngày 10 của tháng "T+2").
 - + Ngày trả nợ tiếp theo: cố định là ngày 10 hàng tháng.
- 4.2.2. Đối với Bên vay vay vốn theo các Sản phẩm còn lại:
- a. Nếu ngày giải ngân của Khoản vay từ ngày 01 đến ngày 13 trong tháng: Ngày đến hạn thanh toán của kỳ đầu tiên là ngày 02 của tháng tiếp theo tháng giải ngân. Ngày trả nợ các kỳ tiếp theo cố định là ngày 02 hàng tháng.
 - b. Nếu ngày giải ngân của Khoản vay từ ngày 14 đến ngày 23 trong tháng: Ngày đến hạn thanh toán của kỳ đầu tiên là ngày 10 của tháng tiếp theo tháng giải ngân. Ngày trả nợ các kỳ tiếp theo cố định là ngày 10 hàng tháng.
 - c. Nếu ngày giải ngân của Khoản vay từ ngày 24 đến ngày cuối cùng trong tháng: Ngày đến hạn thanh toán của kỳ đầu tiên là ngày 20 của tháng tiếp theo tháng giải ngân. Ngày trả nợ các kỳ tiếp theo cố định là ngày 20 hàng tháng.
 - d. Trường hợp ngày thanh toán cuối cùng (ngày đến hạn của khoản vay) là

ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần, thì việc thanh toán chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

- 4.3. Nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất: tuân thủ quy định sau:
 - 4.3.1. Lãi suất tính lãi: được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm); một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày.
 - 4.3.2. Thời hạn tính lãi được xác định kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân khoản vay và thời điểm xác định số dư để tính lãi là đầu mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.
 - 4.3.3. Lãi suất cụ thể cho Khoản vay được thỏa thuận trực tiếp với khách hàng bằng phương tiện điện tử, lưu trữ và truyền tải dưới dạng cuộc gọi điện thoại có ghi âm, thông báo cụ thể qua tin nhắn (“SMS”) cho Khách hàng.
- 4.4. Khi đến hạn thanh toán mà Bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng thì Bên vay phải trả lãi tiền vay như sau:
 - 4.4.1. Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả.
 - 4.4.2. Trường hợp Bên vay không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm 4.4.1 Điều này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
 - 4.4.3. Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì Bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất áp dụng là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp mức lãi suất cho vay trong hạn ưu đãi là 0%, mức lãi suất cho vay trong hạn thông thường theo phê duyệt, quyết định cấp tín dụng của Bên cho vay tại Thông báo cấp tín dụng của OCB sẽ là cơ sở để tính lãi suất quá hạn quy định tại Mục 4.4.3 này.
- 4.5. Bên vay sẽ đảm bảo chi trả tất cả các khoản thanh toán theo Hợp đồng cho Bên cho vay bằng đồng Việt Nam.
- 4.6. Phương thức thanh toán:
 - 4.6.1. Nộp tiền mặt tại bất kỳ Chi nhánh hoặc Phòng giao dịch nào của OCB.
 - 4.6.2. Thanh toán qua dịch vụ trung gian thanh toán, bao gồm:
 - a. Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ;
 - b. Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử;
 - c. Dịch vụ Ví điện tử.
 - 4.6.3. Chuyển khoản vào tài khoản của Bên cho vay theo chi tiết đã thông tin ở phần định nghĩa.
 - 4.6.4. Khi thực hiện lệnh thanh toán, ủy nhiệm chi, Bên vay phải cung cấp thông tin mã số Hợp đồng của mình cho Tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán làm bằng chứng cho việc chuyển khoản vào tài khoản của Bên cho vay.
 - 4.6.5. Bên vay sẽ được xem là đã thực hiện một khoản thanh toán cho Bên cho vay khi khoản thanh toán đó đã được ghi có vào tài khoản của Bên cho vay hoặc Bên cho vay đã nhận được khoản tiền đó (tùy vào điều kiện nào có trước);
 - 4.6.6. Bên vay chịu mọi khoản phí cho bên thứ ba (phí chuyển khoản ngoài hệ

- thống của Bên cho vay, phí thu hộ...) nhằm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng.
- 4.6.7. Mọi khiếu nại, tranh chấp, sai sót phát sinh trong quá trình nộp tiền, thanh toán và/hoặc liên quan đến việc nộp tiền, thanh toán tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán/ dịch vụ trung gian thanh toán sẽ do Bên vay và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán/ dịch vụ trung gian thanh toán tự giải quyết.
- 4.6.8. Tùy vào quyết định của Bên cho vay, Bên cho vay sẽ (nhưng không có nghĩa vụ) cùng giải quyết tranh chấp giữa Bên vay và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán/ dịch vụ trung gian thanh toán. Trường hợp có cơ sở xác định rõ là do lỗi của Bên vay thì Bên cho vay có quyền yêu cầu Bên vay thanh toán khoản còn thiếu.
- 4.6.9. Trường hợp Bên cho vay không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ khoản thanh toán từ tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán/ dịch vụ trung gian thanh toán vì bất cứ lý do gì, Bên cho vay có quyền yêu cầu Bên vay trực tiếp thanh toán cho Bên cho vay các khoản còn thiếu đó.
- 4.6.10. Bên vay phải giữ lại giấy chứng nhận nộp tiền hoặc bất kỳ tài liệu có giá trị chứng minh cho việc nộp tiền làm cơ sở giải quyết khiếu nại hoặc tranh chấp xảy ra (nếu có).
- 4.7. Thứ tự ưu tiên thanh toán
- Bất kỳ khoản tiền nào do Bên vay thanh toán theo Hợp đồng sẽ được sử dụng để thanh toán Khoản trả hàng tháng theo thứ tự sau đây:
- 4.7.1. Trường hợp Bên vay thanh toán đúng hạn (gốc, lãi trong hạn), thứ tự thanh toán là: (a) lãi trong hạn, (b) gốc trong hạn;
- 4.7.2. Trường hợp Bên vay thanh toán quá hạn, không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thứ tự thanh toán là:
- Dư nợ gốc của các kỳ trả nợ bị trễ hạn;
 - Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;
 - Lãi chậm trả tính trên nợ gốc quá hạn với lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp mức lãi suất cho vay trong hạn ưu đãi là 0%, áp dụng mức lãi suất cho vay trong hạn thông thường theo phê duyệt, quyết định cấp tín dụng của Bên cho vay tại Thông báo cấp tín dụng của OCB để làm cơ sở tính lãi suất quá hạn;
 - Lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;
 - Các khoản trả hàng tháng kế tiếp;
 - Chi phí phát sinh cho việc thu hồi nợ mà Bên cho vay phải chi trả trước cho việc xử lý khoản nợ quá hạn của Bên vay.

Điều 5. TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN

5.1. Đối với Bên vay vay vốn theo Sản phẩm cho vay tiêu dùng mua Hàng hóa/Dịch vụ

trả góp:

- 5.1.1. Bên vay chỉ được phép trả nợ trước hạn toàn bộ số tiền vay còn lại cho Bên cho vay khi Bên vay đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn Khoản trả hàng tháng ít nhất 03 kỳ trả nợ, đã thông báo cho Bên cho vay bằng văn bản về việc trả nợ trước hạn và được Bên cho vay đồng ý bằng văn bản.
- 5.1.2. Trong trường hợp đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm 5.1.1 Điều này, các Bên đồng ý rằng Hợp đồng sẽ được chấm dứt vào ngày thanh toán hàng tháng của kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên vay trả nợ trước hạn. Trong trường hợp này, vào ngày đề nghị thanh toán trước hạn, Bên vay sẽ thanh toán cho Bên cho vay khoản trả hàng tháng của kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên vay đề nghị, cộng với số tiền vay còn lại sau kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên vay đề nghị và phí trả nợ trước hạn theo quy định được nêu tại Thông báo cấp tín dụng của OCB.
- 5.2. Đối với Bên vay vay vốn theo các Sản phẩm còn lại:
 - 5.2.1. Bên vay chỉ được phép trả nợ trước hạn toàn bộ số tiền vay còn lại cho Bên cho vay khi Bên vay đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn Khoản trả hàng tháng ít nhất 03 kỳ trả nợ, đã thông báo cho Bên cho vay bằng văn bản về việc trả nợ trước hạn và được Bên cho vay đồng ý bằng văn bản.
 - 5.2.2. Trong trường hợp đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm 5.2.1 Điều này, các Bên đồng ý rằng Hợp đồng sẽ được chấm dứt vào ngày thanh toán hàng tháng của kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên vay trả nợ trước hạn. Trong trường hợp này, vào ngày đề nghị thanh toán trước hạn, Bên vay sẽ thanh toán cho Bên cho vay khoản trả hàng tháng của kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên vay đề nghị, cộng với số tiền vay còn lại sau kỳ trả nợ tiếp theo gần nhất tính từ ngày Bên vay đề nghị và phí trả nợ trước hạn tính trên số tiền vay còn lại sau kỳ trả nợ đã thanh toán trước đó theo quy định sau:
 - a. Phí trả nợ trước hạn là 05% tính trên dư nợ gốc còn lại nếu Bên vay đã thanh toán dưới 6 kỳ trả nợ;
 - b. Phí trả nợ trước hạn là 03% tính trên dư nợ gốc còn lại nếu Bên vay đã thanh toán từ 6 kỳ trả nợ trở lên.
- 5.3. Trường hợp Bên vay thanh toán nhiều hơn so với Khoản trả hàng tháng nhưng không đủ để thanh toán toàn bộ số tiền vay còn lại hoặc muốn thanh toán trước hạn một số kỳ trả nợ nhưng chưa tắt toán Hợp đồng, Bên vay đồng ý rằng số tiền chênh lệch này sẽ không được hưởng lãi hoặc giảm lãi. Số tiền dư ra này sẽ được Bên cho vay khấu trừ vào số tiền trả góp mỗi kỳ trả nợ mà Bên vay phải thanh toán.
- 5.4. Trường hợp có bất kỳ khoản tiền thanh toán nào còn dư sau khi Hợp đồng này chấm dứt, Bên cho vay sẽ nỗ lực liên hệ để thông báo và hướng dẫn thủ tục hoàn trả cho Bên vay đối với số tiền từ 200.000 đồng trở lên. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng nếu:
 - 5.4.1. Bên cho vay không thể liên lạc được với Bên vay; hoặc
 - 5.4.2. Bên vay không có yêu cầu hoàn trả bằng văn bản hợp lệ gửi đến Bên cho vay, hoặc

- 5.4.3. Bên vay không liên lạc Bên cho vay để nhận lại khoản tiền thanh toán dư dưới 200.000 đồng;
- 5.4.4. Bên vay có yêu cầu hoàn trả bằng văn bản hợp lệ nhưng không đến nhận tiền,

Thì Bên vay đồng ý từ bỏ quyền sở hữu đối với các khoản tiền thanh toán còn dư. Trong trường hợp này các khoản tiền thanh toán còn dư sẽ được chuyển giao và thuộc về Bên cho vay.

Điều 6. CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

- 6.1. Bên cho vay xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của Bên vay, khả năng tài chính của Bên cho vay và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của Bên vay. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ (nếu có) được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ.
- 6.2. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ sẽ không được áp dụng cho khoản vay theo quy định tại Hợp đồng này trừ trường hợp được Bên cho vay đồng ý bằng văn bản.
- 6.3. Trường hợp Bên vay không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Bên cho vay chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Bên cho vay sẽ tiến hành chuyển nợ quá hạn và sẽ thông báo bằng tin nhắn ("SMS") hoặc email hoặc cuộc gọi điện thoại có ghi âm hoặc bằng văn bản cho Bên vay về việc chuyển nợ quá hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

Điều 7. CHẤM DỨT CHO VAY, THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN

- 7.1. Bên cho vay có quyền xem xét và chấm dứt cho vay/ hủy khoản vay sau giải ngân/ thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện:
 - 7.1.1. Bên vay có hành vi lừa đảo hoặc có dấu hiệu thực hiện hành vi lừa đảo, cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả những thông tin cung cấp trước khi được cấp tín dụng làm ảnh hưởng đến việc thẩm định/ quyết định cấp tín dụng của Bên cho vay;
 - 7.1.2. Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã thỏa thuận với Bên cho vay và/hoặc trái với quy định pháp luật;
 - 7.1.3. Bên vay vi phạm thỏa thuận tại Thỏa thuận cho vay và các văn bản thỏa thuận, cam kết liên quan khác với Bên cho vay mà không khắc phục được trong thời hạn Bên cho vay yêu cầu;
 - 7.1.4. Việc duy trì khoản cấp tín dụng với Bên vay dẫn đến Bên cho vay vi phạm các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - 7.1.5. Theo yêu cầu hoặc tuân thủ theo các phán quyết, quyết định, chỉ thị của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản, quy định của pháp luật;
 - 7.1.6. Bên vay bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về hình sự;
 - 7.1.7. Bên vay thường xuyên trễ hạn trả nợ gốc và hoặc nợ lãi theo thời hạn đã thỏa thuận nhưng còn khả năng thanh toán cho Bên cho vay;

- 7.1.8. Bên vay có khoản tín dụng tại Bên cho vay và/ hoặc Tổ chức tín dụng khác bị chuyển sang nợ xấu;
- 7.1.9. Bên vay có một hoặc một số khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn và có nguy cơ không có khả năng trả nợ;
- 7.1.10. Thu nhập của Bên vay hiện tại thay đổi đáng kể so với tại thời điểm Bên cho vay cấp tín dụng, làm cho đánh giá về điều kiện cấp tín dụng của Bên cho vay tại thời điểm cấp tín dụng không còn phù hợp và có khả năng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay cho Bên cho vay;
- 7.1.11. Khả năng trả nợ của Bên vay bị ảnh hưởng bởi các nguy cơ như: Bên vay bị mất việc làm, bị sa thải hoặc mất, hạn chế khả năng lao động so với thời điểm cấp tín dụng.
- 7.1.12. Bên vay bỏ đi khỏi nơi cư trú và Bên cho vay không thể liên hệ được với Bên vay.
- 7.1.13. Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của Bên cho vay.
- 7.1.14. Bên vay cung cấp thông tin để giải ngân không đúng đến lần thứ hai.
- 7.1.15. Bên vay có dấu hiệu gian lận trong việc cung cấp giấy tờ để nhận tiền giải ngân hoặc giấy tờ Bên vay cung cấp để nhận tiền giải ngân bị trùng với khách hàng khác trên Hệ thống của Bên cho vay.
- 7.1.16. Quá thời hạn kể từ ngày Bên cho vay giải ngân cho Bên vay (*theo quy định của Bên cho vay ban hành từng thời kỳ*) mà Bên vay không đến nhận tiền giải ngân.
- 7.1.17. Bên vay đến các Đơn vị kinh doanh của Bên cho vay để nhận tiền giải ngân nhưng không được chấp thuận do các Đơn vị kinh doanh của Bên cho vay xác nhận thông tin Bên vay cung cấp không chính xác.
- 7.2. Bên cho vay sẽ thông báo cho Bên vay bằng văn bản, tin nhắn (“SMS”), thư điện tử hoặc cuộc gọi khi tiến hành chấm dứt cho vay/ hủy khoản vay sau giải ngân/ thu hồi nợ trước hạn.
- 7.3. Trong trường hợp Bên cho vay đã giải ngân thành công cho Bên vay theo đúng với các thông tin, dữ liệu, do Bên vay cung cấp mà vì bất kỳ lý do gì Bên vay không nhận tiền vay, Bên vay mặc nhiên thừa nhận Thỏa thuận cho vay đã có hiệu lực thi hành. Bên vay phải có trách nhiệm thực hiện mọi biện pháp, cách thức cần thiết, hợp pháp để hoàn trả lại cho Bên cho vay toàn bộ dư nợ gốc và lãi phát sinh chậm nhất trong 03 Ngày làm việc kể từ ngày Bên cho vay giải ngân thành công.

Điều 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO VAY

- 8.1. Bên cho vay đảm bảo ghi nhận chính xác các khoản đã thanh toán và chưa thanh toán của Bên vay theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng để loại trừ những khoản thanh toán không cần thiết cho Bên vay.
- 8.2. Bên cho vay có quyền chấm dứt Hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 7 Điều khoản và điều kiện giao dịch chung này.
- 8.3. Bên cho vay có quyền (i) sử dụng các biện pháp hợp pháp để thu hồi các tài sản mà Bên vay sử dụng khoản vay tiêu dùng để mua và/hoặc bất kỳ tài sản nào khác

- thuộc sở hữu của Bên vay; (ii) thực hiện các thủ tục tố tụng cần thiết, kể cả việc thực hiện các thủ tục tố tụng hình sự trong trường hợp có chứng cứ cho thấy Bên vay đã từ bỏ ban đầu bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là tiền giải ngân của Bên cho vay; và (iii) thực hiện các biện pháp hợp pháp khác để thu các Khoản nợ còn lại từ Bên vay.
- 8.4. Bên cho vay được quyền phong tỏa, trích tiền từ bất kỳ tài khoản nào của Bên vay mở tại Bên cho vay hoặc tại tổ chức tín dụng khác để thu hồi toàn bộ khoản vay, khoản trả hàng tháng, khoản nợ còn lại và/hoặc các khoản phí, phạt khác (nếu có) khi khoản vay đến hạn thanh toán hoặc Bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Thỏa thuận cho vay hoặc Bên cho vay phát hiện Bên vay gian lận hoặc trong các trường hợp khác theo quyết định của Bên cho vay khi Bên vay vi phạm quy định tại khoản 7.1 Điều 7 Điều khoản và điều kiện giao dịch chung này. Bằng Thỏa thuận cho vay, Bên vay ủy quyền không hủy ngang cho Bên cho vay được toàn quyền trích tiền từ tài khoản của Bên vay mở tại Bên cho vay và/hoặc tổ chức tín dụng khác để thu nợ (kể cả tài khoản lương, nếu có) hoặc phong tỏa tài khoản của Bên vay.
- 8.5. Bên cho vay được quyền yêu cầu Bên vay đưa bất kỳ tài sản nào của Bên vay hoặc bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố cho Bên cho vay theo khoản 9.12 Điều 9 Điều khoản và điều kiện giao dịch chung này.
- 8.6. Bên cho vay được quyền thực hiện tất cả các biện pháp mà pháp luật cho phép để xử lý Hàng hóa/Dịch vụ, tài sản bảo đảm của Bên vay và/hoặc bên thứ ba để thu khoản nợ còn lại.
- 8.7. Trước hoặc sau khi giải ngân hoặc tại bất kỳ thời điểm nào, Bên cho vay có quyền yêu cầu Bên vay cung cấp các hồ sơ, tài liệu chứng minh về mục đích sử dụng vốn và kiểm tra việc sử dụng vốn vay.
- 8.8. Bên cho vay có thể nhắn tin và/hoặc gọi điện trước để nhắc Bên vay về ngày đến hạn thanh toán sắp đến. Nếu có bất kỳ khoản thanh toán nào mà Bên cho vay cho rằng Bên vay không có khả năng thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận và/hoặc khi Bên cho vay không liên lạc được với Bên vay, Bên cho vay có thể nhắn tin và/hoặc gọi điện đến các số điện thoại mà Bên vay đã cung cấp cho Bên cho vay để tìm kiếm sự hỗ trợ về thông tin của Bên vay hoặc hỗ trợ truyền đạt thông tin thanh toán đến Bên vay.
- 8.9. Bên cho vay có quyền tự mình hoặc được quyền bán khoản nợ này hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thu hồi nợ (bằng việc chuyển giao tất cả yêu cầu thanh toán và các khoản nợ cũng như thông tin về các khoản nợ cho bên thứ ba) để thực hiện thu hồi khoản nợ quá hạn mà Bên vay chưa thanh toán theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp bên thứ ba liên hệ Bên vay để thu hồi khoản nợ quá hạn, nợ xấu, Bên cho vay chịu trách nhiệm về các hành động hợp pháp của bên thứ ba liên quan đến việc thu hồi khoản nợ.

Điều 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY

9.1. Nghĩa vụ liên quan đến Hàng hóa:

9.1.1. Nếu Hàng hóa được yêu cầu phải đăng ký với Cơ quan nhà nước có thẩm

- quyền theo quy định pháp luật, Bên vay sẽ thực hiện việc đăng ký đó bằng chi phí của mình.
- 9.1.2. Trong thời gian có hiệu lực của Thỏa thuận cho vay, Bên vay không được quyền bán, cầm cố, thế chấp, cho, tặng, bán đấu giá hoặc chuyển quyền sở hữu Hàng hóa được tài trợ dưới bất kỳ hình thức nào cho một bên thứ ba, trừ trường hợp được Bên cho vay đồng ý bằng văn bản.
- 9.1.3. Việc Hàng hóa được tài trợ bị hư hỏng hoặc bị mất, do bị trộm cắp hoặc vì lý do khác hoặc bị phá hủy sẽ không làm thay đổi nghĩa vụ của Bên vay đối với Bên cho vay được quy định tại Thỏa thuận cho vay.
- 9.1.4. Trường hợp Bên vay được đổi, trả Hàng hóa theo thỏa thuận giữa Bên vay và Bên Bán (nếu có), việc Bên vay đổi, trả Hàng hóa với Bên Bán sẽ không làm thay đổi nghĩa vụ của Bên vay đối với Bên cho vay theo quy định tại Thỏa thuận cho vay, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên cho vay.
- 9.1.5. Đối với sản phẩm vay có yêu cầu Bên vay phải trả trước một phần giá Hàng hóa/ Dịch vụ, Bên vay có trách nhiệm thanh toán số tiền này cho Bên bán và Bên cho vay chỉ giải ngân số tiền còn lại cho Bên bán khi Bên vay đã thanh toán đầy đủ số tiền trả trước.
- 9.1.6. Bên vay đồng ý rằng chỉ khi Bên vay đã hoàn tất toàn bộ các nghĩa vụ theo Thỏa thuận cho vay cho Bên cho vay, Bên vay mới được quyền sở hữu trọn vẹn đối với Hàng hóa. Trong trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán tại Thỏa thuận cho vay, Bên vay thừa nhận rằng Bên cho vay có quyền thu hồi Hàng hóa để thu hồi khoản nợ của Bên vay. Nếu Bên cho vay không thể thu hồi Hàng hóa hoặc việc thu hồi Hàng hóa không đủ để thanh toán khoản nợ, Bên vay cam kết sẽ sử dụng các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của mình để thanh toán cho Bên cho vay.
- 9.2. Nghĩa vụ liên quan đến Dịch vụ:
- 9.2.1. Trong thời gian có hiệu lực của Thỏa thuận cho vay, Bên vay không có quyền bán hoặc định đoạt hoặc thay đổi người sử dụng Dịch vụ dưới bất kỳ hình thức nào khác mà không có sự chấp thuận trước của Bên cho vay bằng văn bản. Việc bán hoặc định đoạt hoặc thay đổi người sử dụng Dịch vụ sẽ không làm thay đổi nghĩa vụ của Bên vay đối với Bên cho vay.
- 9.2.2. Nghĩa vụ của Bên vay đối với Bên cho vay theo quy định tại Thỏa thuận cho vay sẽ không bị thay đổi do chất lượng Dịch vụ và/hoặc do Bên vay thay đổi ý định sử dụng Dịch vụ.
- 9.2.3. Bên vay chấp thuận để Bên Bán chuyển cho Bên cho vay toàn bộ khoản bồi thường thiệt hại đối với Bên vay liên quan đến Dịch vụ để Bên vay hoàn thành các nghĩa vụ với Bên cho vay. Khoản bồi thường thiệt hại còn lại (nếu có), sau khi bù đắp các nghĩa vụ của Bên vay đối với Bên cho vay, sẽ được Bên cho vay hoàn trả cho Bên vay theo thông báo/yêu cầu cụ thể của Bên vay.
- 9.3. Nghĩa vụ chung liên quan đến Hàng hóa và Dịch vụ:

- 9.3.1. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày thực hiện/xảy ra việc thay đổi, Bên vay sẽ thông báo ngay cho Bên cho vay bằng điện thoại hoặc email hoặc bằng văn bản nếu có bất kỳ thay đổi nào về tình trạng hôn nhân của Bên vay; tình trạng của Hàng hóa (Hàng hóa bị hư hỏng, mất); hoặc các trường hợp khác ảnh hưởng đến quyền sở hữu đối với Hàng hóa/Dịch vụ của Bên vay.
- 9.3.2. Bên vay ký Thỏa thuận cho vay với tư cách là người tiêu dùng. Do đó, Bên vay cam kết mua và sử dụng Hàng hóa/Dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, không mua Hàng hóa/Dịch vụ nhằm bất kỳ mục đích nào khác để thu lợi.
- 9.4. Giao nhận, cung cấp Hàng hóa/Dịch vụ:
- 9.4.1. Sau khi Thỏa thuận cho vay được ký kết và sau khi Bên vay thanh toán khoản tiền mặt trả trước, Bên Bán sẽ giao Hàng hóa và/hoặc cung cấp Dịch vụ cho Bên vay.
- 9.4.2. Quyền sử dụng Hàng hóa/Dịch vụ sẽ được chuyển giao cho Bên vay:
- Đối với Hàng hóa: Ngay sau khi Bên vay nhận được Hàng hóa.
 - Đối với Dịch vụ: Ngay sau khi Bên vay nhận được hồ sơ Dịch vụ. Hồ sơ Dịch vụ tại mục này được hiểu là các tài liệu được Bên Bán cung cấp cho Bên vay khi Bên vay yêu cầu Bên Bán cung cấp Dịch vụ nhằm mục đích xác nhận quyền sử dụng của Bên vay đối với Dịch vụ.
- 9.4.3. Bên cho vay không có bất kỳ nghĩa vụ liên quan nào đến việc giao nhận, cung cấp Hàng hóa/ Dịch vụ, chất lượng Hàng hóa/Dịch vụ, và các nghĩa vụ khác liên quan đến giao dịch mua bán, cung ứng Hàng hóa/Dịch vụ giữa Bên vay và Bên Bán, trừ nghĩa vụ giải ngân khoản vay cho Bên Bán theo chỉ định của Bên vay tại Giấy Đề Nghị.
- 9.5. Bên vay có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo phương thức thanh toán và trình tự thanh toán đã thỏa thuận. Bên vay chịu trách nhiệm thanh toán phí chuyển tiền (khi được giải ngân qua tài khoản), phí đăng ký giao dịch đảm bảo, các loại chi phí khác (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và của Bên cho vay ban hành từng thời kỳ.
- 9.6. Bên vay có trách nhiệm và nghĩa vụ phối hợp với Bên cho vay và cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến Khoản vay để Bên cho vay thực hiện thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên vay, đồng thời cam kết tất cả những thông tin cung cấp cho Bên cho vay là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của thông tin cung cấp.
- 9.7. Bên vay đồng ý cho Bên cho vay thu thập, sử dụng, cung cấp cho bên thứ ba tất cả các thông tin liên quan đến Bên vay và/hoặc Thỏa thuận cho vay nhằm mục đích (i) thực hiện Thỏa thuận cho vay; (ii) cung cấp, tra cứu và sử dụng các thông tin từ Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và các công ty thông tin tín dụng; (iii) thế chấp hoặc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay theo quy định tại Thỏa thuận cho vay; (iv) đăng ký giao dịch bảo đảm; (v) tiếp thị, quảng cáo cho các sản phẩm và dịch vụ của Bên cho vay; (vi) phục vụ công tác đánh giá, phân tích, kiểm soát rủi ro; (vii) thu hồi nợ, (viii) cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và (ix) các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật được Bên cho vay thông báo và Bên vay đồng ý tại từng thời điểm.

- 9.8. Cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty Thông tin tín dụng:
- 9.8.1. Bên vay đồng ý cho Bên cho vay cung cấp thông tin tín dụng của Bên vay cho Công ty Thông tin tín dụng mà Bên cho vay đang là tổ chức tham gia và sẽ tham gia trong từng thời kỳ do Bên cho vay lựa chọn và quyết định.
- 9.8.2. Tại thời điểm xác lập Thỏa Thuận cho vay này, Bên cho vay đã thông báo với Bên vay thông tin của Công ty Thông tin tín dụng bao gồm:
- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN DỤNG VIỆT NAM (PCB);
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296;
 - Đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007.
- 9.8.3. Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp bao gồm nhưng không giới hạn dữ liệu, số liệu, dữ kiện liên quan của Bên vay tại Bên cho vay và việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của Bên cho vay cho Công ty thông tin tín dụng đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.
- 9.8.4. Trong trường hợp Công ty thông tin tín dụng mà Bên cho vay đang là tổ chức tham gia bị thu hồi Giấy chứng nhận, Bên cho vay sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên vay cho Công ty thông tin tín dụng và Bên vay đồng ý thông tin tín dụng của Bên vay tại Công ty thông tin tín dụng được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. Bên cho vay có trách nhiệm thông báo với Bên vay về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên vay trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày Bên cho vay nhận được thông báo của Công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng, phương thức thông báo do Bên cho vay quyết định.
- 9.9. Bên vay đồng ý Bên cho vay có thể sử dụng các nguồn cung cấp thông tin độc lập hoặc thông qua trung tâm tín dụng, trang danh bạ điện thoại, gọi điện và/hoặc trực tiếp đến nhà/ nơi làm việc của Bên vay để xác minh các thông tin mà Bên vay đã cung cấp nhằm mục đích thẩm định, phê duyệt Khoản vay.
- 9.10. Bên vay cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, trước Bên cho vay trong việc sử dụng vốn vay phù hợp với mục đích đã đăng ký.
- 9.11. Bên vay cam kết tất cả những thông tin cung cấp cho Bên cho vay trong Thỏa thuận cho vay là đúng sự thật và hợp pháp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của thông tin cung cấp.
- 9.12. Bên vay cam kết sẽ chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ còn lại trước Bên cho vay bằng toàn bộ tài sản của mình.
- 9.13. Ngay khi Bên cho vay yêu cầu, Bên vay phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố cho Bên cho vay nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ vay (bao gồm số tiền vay, nợ lãi và các chi phí khác phát sinh) của Bên vay đối với Bên cho vay. Trong trường hợp này, Bên cho vay có thể thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.
- 9.14. Bên vay sẽ không chuyển nhượng hay chuyển giao Hợp đồng cho bất kỳ bên nào khác nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên cho vay.

- 9.15. Bên vay cam kết, tại thời điểm ký Thỏa thuận cho vay, Bên vay không có bất kỳ khoản nợ xấu nào tại các tổ chức tín dụng.
- 9.16. Bên vay theo đây cho phép những thông tin nói trên có thể được sử dụng, mã hóa, xử lý, truyền tải và lưu trữ bởi Bên cho vay và công ty quản lý, các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết và các công ty thành viên khác của Bên cho vay (bất kể trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam) và/hoặc được trao đổi với tất cả các Bên mà Bên cho vay thấy cần thiết trong phạm vi pháp luật cho phép. Bên vay hoàn toàn chấp thuận đối với những hành động đó và tuyên bố rằng Bên cho vay không cần thiết hay bắt buộc phải có một sự chấp thuận nào khác của Bên vay thêm nữa (vì lý do thuận tiện).
- 9.17. Trong thời gian có hiệu lực của Thỏa thuận cho vay, Bên vay có trách nhiệm thông báo cho Bên cho vay bằng điện thoại và/hoặc bằng thư tín bất kỳ thay đổi nào về các thông tin đã cung cấp cho Bên cho vay trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày thực hiện thay đổi. Trường hợp không nhận được thông báo của Bên vay, Bên cho vay mặc nhiên hiểu rằng các thông tin này không có thay đổi và Bên cho vay có quyền sử dụng các thông tin này trong các tài liệu của Bên cho vay phù hợp với quy định pháp luật.
- 9.18. Trong trường hợp Bên cho vay thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 7 Điều khoản và điều kiện giao dịch chung này, Bên vay cam kết sẽ bồi thường cho Bên cho vay đầy đủ các khoản chi phí thẩm định cấp tín dụng mà Bên cho vay đã phải gánh chịu. Ngoài các chi phí nêu trên, Bên vay phải bồi thường các chi phí, các thiệt hại thực tế khác cho Bên cho vay theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
- 9.19. Bên vay cam kết đã được sự đồng ý/chấp thuận của Người tham chiếu về việc:
- 9.19.1. Bên vay được cung cấp thông tin Người tham chiếu cho OCB và/hoặc đối tác của OCB;
- 9.19.2. Cho phép OCB và/hoặc đối tác của OCB sử dụng thông tin của Người tham chiếu nhằm mục đích gọi điện thoại để hỏi thông tin liên quan đến Bên vay, thông báo về lịch trả nợ/nghĩa vụ trả nợ của Bên vay và/hoặc các mục đích khác quy định tại Điều 9.7 nêu trên;
- Bên vay cam kết chịu trách nhiệm giải quyết mọi vấn đề phát sinh liên quan đến việc cung cấp và/hoặc sử dụng thông tin của Người tham chiếu theo quy định tại Điều này.

Điều 10. QUY ĐỊNH CHUNG

- 10.1. Vì mục đích của Thỏa thuận cho vay, Bên cho vay có thể gửi thông báo cho Bên vay về các nội dung nhất định được tham chiếu theo Thỏa thuận cho vay (“Thông báo”), được thực hiện qua hình thức gửi tin nhắn (“SMS”) và/hoặc gọi điện thoại trực tiếp qua số điện thoại di động của Bên vay nêu tại Thỏa thuận cho vay và/hoặc qua bưu điện và/hoặc bằng hình thức khác mà Bên cho vay cho là phù hợp. Bên vay theo đây xác nhận chấp thuận chịu sự ràng buộc và tuân thủ theo các Thông báo trong mọi trường hợp. Thông báo là phần không tách rời của Thỏa thuận cho vay và có thể được thực hiện bởi và/hoặc thông qua các bên cung cấp dịch vụ, các

- đối tác do Bên cho vay chỉ định trong từng thời kỳ và có giá trị ràng buộc các bên. Trong trường hợp Thông báo vì bất kỳ lý do nào đó có thể có một hoặc một vài thông tin bị lỗi và/hoặc sai sót, Bên cho vay bảo lưu quyền đính chính, chỉnh sửa lại thông tin đó bằng việc gửi một Thông báo khác trong vòng 07 ngày làm việc sau đó.
- 10.2. Trong trường hợp gửi thông báo qua hình thức tin nhắn (“SMS”) và/hoặc gọi điện thoại trực tiếp, các bên thống nhất rằng Thông báo của Bên cho vay sẽ được gửi cho Bên vay qua số điện thoại di động của Bên vay nêu tại số điện thoại di động đã đăng ký trước của Bên vay nêu tại Mục A của Giấy Đề Nghị (hoặc số điện thoại di động khác được Bên vay thông báo cho Bên cho vay bằng văn bản). Bên vay có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên cho vay ngay khi thay đổi số điện thoại di động của Bên vay. Nếu Bên vay thay đổi số điện thoại di động mà không thông báo cho Bên cho vay bằng văn bản, Bên cho vay được xem là đã hoàn thành việc gửi và Bên vay được xem là đã nhận được Thông báo khi tin nhắn (“SMS”) được Bên cho vay gửi đi thành công.
- 10.3. Trong trường hợp gửi Thông báo qua bưu điện, các Bên thống nhất rằng địa chỉ để các bên liên hệ và gửi các văn bản giao dịch liên quan đến việc vay vốn theo Thỏa thuận cho vay là địa chỉ nêu tại Mục A của Giấy Đề Nghị. Thông báo gửi qua đường bưu điện được xem là đã được tiếp nhận bởi Bên vay vào ngày làm việc thứ 03 (ba) sau ngày Thông báo đó được giao cho đơn vị dịch vụ bưu chính.
- 10.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa thuận cho vay sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa Bên cho vay và Bên vay. Trong trường hợp việc thương lượng không thành công, các Bên thống nhất được giải quyết theo thủ tục Trọng tài Thương mại theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đơn vị giải quyết tranh chấp được thỏa thuận chỉ định xử lý tranh chấp đối với thỏa thuận cho vay này là:
- ❖ TRUNG TÂM TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI SÀI GÒN
 - ❖ Địa chỉ: 83 T1 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 - ❖ Điện thoại: 028.38272525
- 10.5. Trường hợp Bên cho vay khởi kiện Bên vay để giải quyết tranh chấp, các Bên thống nhất rằng địa chỉ của Bên vay là địa chỉ nêu tại Thỏa thuận cho vay. Nếu Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Bên cho vay bằng văn bản, thì Bên cho vay có quyền yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên vay chấp nhận việc cơ quan giải quyết tranh chấp xét xử vắng mặt Bên vay, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay.
- 10.6. Hiệu lực riêng lẻ: Nếu một phần bất kỳ hoặc toàn bộ điều khoản nào trong Thỏa thuận cho vay không hợp pháp hay không có hiệu lực thì nó sẽ độc lập với Thỏa thuận cho vay và không ảnh hưởng đến việc tiếp tục thực hiện những điều khoản còn lại trong Thỏa thuận cho vay. Đồng thời, các Bên cố gắng thỏa thuận trên tinh thần hợp tác để thay thế một phần hoặc toàn bộ điều khoản không hợp pháp hay không có hiệu lực đó bằng điều khoản hợp pháp khác phù hợp với mục đích Thỏa thuận cho vay.
- 10.7. Trong quá trình giao dịch tín dụng với Bên cho vay hoặc sau khi hoàn tất thanh toán khoản tín dụng theo Thỏa thuận cho vay này, nếu Bên vay đáp ứng đầy đủ các điều

kiện để được xem xét tiếp tục cho vay tại Bên cho vay theo từng thời kỳ và có nhu cầu tiếp tục vay vốn trong tương lai, Bên vay hiểu và đồng ý rằng bản thân (Bên vay) có thể lựa chọn sử dụng phương tiện điện tử để thực hiện giao dịch vay vốn đó với Bên cho vay. Trong trường hợp thực hiện thỏa thuận các điều khoản điều kiện đối với Khoản vay trong tương lai đó, Bên vay có quyền lựa chọn phương thức giao dịch, loại công nghệ để thực hiện giao dịch như sau:

10.7.1. Tiếp tục sử dụng phương thức giao dịch truyền thống (*ký lại Giấy Đề Nghị*)

10.7.2. Phương thức giao dịch điện tử theo công nghệ: thỏa thuận qua cuộc gọi điện thoại có ghi âm, tin nhắn (“SMS”) có thông tin phản hồi, thư điện tử và bất kỳ phương tiện công nghệ nào phục vụ cho việc thể hiện ý chí giao dịch điện tử.

10.8. Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào của Thỏa thuận cho vay phải được lập thành văn bản và được xem như là một phần không tách rời của Thỏa thuận cho vay và sẽ là một hợp đồng toàn bộ và cuối cùng của các Bên./.